TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2019/ DSST
Ngày 27/06/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật

- Hội thẩm nhân dân: 1/ - Bà Nguyễn Thị Tư

2/ - Bà Phạm Thị Thu Trang

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân – Thư Ký Tòa án Nhân Dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 27 tháng 06 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2019/ TLST- DS ngày 07 tháng 03 năm 2019 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/ QĐXXST- DS ngày 11 tháng 06 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Hoàng Thị H**, sinh năm: 1957

Địa chỉ: ấp K 3A, xã T H A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông **Lê Quang Đ**, sinh năm 1957 (theo giấy ủy quyền ngày 15/03/2019) (có mặt).

Địa chỉ: khu phố Đ T, thị trấn T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Bà **Mai Thị P**, sinh năm 1963

Địa chỉ: ấp K 3A, xã T H A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

Chị **Đinh Mai T**, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Anh **Đặng Xuân T**, sinh năm 1988 (có mặt)

Cùng địa chỉ: 185/32 tổ 3, ấp K B, xã S K, huyện H Đ, tỉnh Kiên Giang.

Tạm trú: ấp K 3A, xã T H A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

Bà Mai Thị P ủy quyền cho chị Đinh Mai T, sinh năm 1991, anh Đặng Xuân T, sinh năm 1988 làm đại diện theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền ngày 01/04/2019) (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông **Đinh Quang K**, sinh năm 1949.

Địa chỉ: ấp K 3A, xã T H A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo ủy quyền của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị **Đinh Mai T**, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Anh **Đặng Xuân T**, sinh năm 1988 (có mặt).

Cùng địa chỉ: 185/32 tổ 3, ấp K B, xã S K, huyện H Đ, tỉnh Kiên Giang.

Tạm trú: ấp K 3A, xã T H A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Quang Đ trình bày: Nguyên trước đây vào ngày 17/01/2017 bà Mai Thị P, anh Đặng Xuân T có đến nhà bà H vay số tiền 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng) hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/1 tháng và lúc vay thì giữa hai bên có làm biên nhận ngày 17/01/2017, thời hạn trả nợ là 02 tháng sau kể từ ngày vay bà P sẽ trả hết nợ gốc và lãi. Đến ngày 25/02/2018, bà P và chị Đinh Mai T vay tiếp của bà H số tiền là 54.000.000đ (năm mươi bốn triệu đồng) hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/1 tháng, lúc vay thì giữa hai bên có làm biên nhận ngày 25/02/2018, bà P có hứa là tháng đầu trả 3.000.000đ (ba triệu đồng)/1 tháng, tháng thứ hai trả 6.000.000đ/1 tháng và trả đến hết số tiền 54.000.000đ (năm mươi bốn triệu đồng) là ngưng, mục đích bà P, chị Đinh Mai T, anh Đặng Xuân T vay tiền của bà H là lấy vốn làm ăn để phát triển kinh tế gia đình, trong quá trình làm ăn thì bà P đã trả cho bà H được 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng) của phần tiền vay 54.000.000đ (năm mươi bốn triệu đồng), bà P còn nợ lại bà Hon số tiền gốc là 197.000.000đ (một trăm chín mươi bảy triệu đồng) thì bà P không trả tiếp cho bà H. Bà H có nhiều lần đến nhà bà P đòi nợ nhiều lần nhưng bà P chỉ hứa chứ không trả nợ cho bà H.

Nay tại phiên tòa tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp giải quyết buộc bà Mai Thị P, chị Đinh Mai T, anh Đặng Xuân T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Quang K phải trả hết nợ gốc số tiền là 197.000.000đ (một trăm chín mươi bảy triệu đồng) và yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định của pháp luật:

Đối với số tiền gốc 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng), tôi yêu cầu tính lãi từ ngày 18/01/2017 cho đến khi trả hết nợ.

Đối với số tiền gốc 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng) tôi yêu cầu tính lãi từ ngày 26/02/2018 cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn anh Đặng Xuân T trình bày: tôi và vợ tôi là Đinh Mai T thừa nhận trước đây vào ngày 17/01/2017 vợ chồng tôi và mẹ tôi là bà Mai Thị P có đến nhà bà H hỏi vay số tiền 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng), mục đích vay là để vợ chồng tôi lấy vốn làm công trình để phát triển kinh tế gia đình, hai bên thỏa thuận lãi suất 10%/1 ngày, thời hạn trả nợ là 02 tháng sau kể từ ngày vay vợ chồng tôi và mẹ tôi sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho bà Hon. Đến ngày 25/02/2018 vợ chồng tôi và mẹ tôi tiếp tục vay của bà H số tiền 54.000.000đ (năm mươi bốn triệu đồng) hai bên thỏa thuận lãi suất là 10%/1 ngày, vợ chồng tôi và mẹ tôi có hứa là tháng đầu trả 3.000.000đ/1 tháng, tháng thứ hai trả 6.000.000đ/1 tháng và trả đến hết số tiền 54.000.000đ (năm mươi bốn triệu đồng) là ngưng, vợ chồng tôi và mẹ tôi đã trả cho bà H được số tiền gốc là 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng), còn nợ lại 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng) của phần tiền vay 54.000.000đ (năm mươi bốn triệu đồng). Trong quá trình vay tiền thì vợ chồng tôi có đóng lãi cho bà H mỗi tháng số tiền là 12.500.000đ (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng), tôi đóng lãi cho bà H tổng cộng 15 tháng với tổng số tiền là 187.500.000đ (một trăm tám mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng), lúc tôi đóng lãi cho bà H thì giữa hai bên không có làm biên nhận.

Nay tại phiên tòa vợ chồng tôi và mẹ tôi là bà Mai Thị P thừa nhận còn nợ bà H số tiền gốc là 197.000.000đ (một trăm chín mươi bảy triệu đồng). Do làm ăn thất bại, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chưa trả nợ cho bà H được. Do đó vợ chồng tôi, mẹ tôi là bà Mai Thị P và cùng với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cha tôi ông Đinh Quang K

xin trả nợ dần số tiền gốc 197.000.000đ (một trăm chín mươi bảy triệu đồng) trong 03 năm là từ nay đến ngày 01/04/2022 là trả hết nợ gốc và lãi, mỗi tháng vào ngày 25 hàng tháng chúng tôi trả cho bà H số tiền là 5.472.000đ (năm triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng) và tiền lãi cho đến khi hết nợ.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đặng Xuân Thịnh trình bày:

Về việc mẹ tôi là bà Mai Thị P và vợ chồng tôi vay tiền của bà Hoàng Thị H, tính đến nay còn nợ lại bà H số tiền gốc là 197.000.000đ (một trăm chín mươi bảy triệu đồng), mục đích vay tiền là để lấy vốn làm ăn phát triển kinh tế gia đình thì cha tôi là ông Đinh Quang K có biết việc mẹ tôi và vợ chồng tôi nợ bà Hon số tiền 197.000.000đ (một trăm chín mươi bảy triệu đồng).

Nay cha tôi ông Đinh Quang K đồng ý cùng với mẹ tôi xin được trả nợ dần số tiền gốc là 197.000.000đ (một trăm chín mươi bảy triệu đồng) trong 03 năm là từ nay đến ngày 01/04/2022 là trả hết nợ gốc và lãi, mỗi tháng vào ngày 25 hàng tháng chúng tôi trả cho bà H số tiền là 5.472.000đ (năm triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng) và tiền lãi cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền**: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện dân sự không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** chị Đinh Mai T với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay chị T vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn chị Đinh Mai T, theo quy định tại điểm b

khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ". Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Đinh Mai T là phù hợp theo quy định pháp luật.

Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa bà Hoàng Thị H với bà Mai Thị P, chị Đinh Mai T, anh Đặng Xuân T là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

[3] Xét yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Quang Đ yêu cầu bà Mai Thị P, chị Đinh Mai T, anh Đặng Xuân T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Quang K phải trả hết nợ gốc số tiền là 197.000.000đ (một trăm chín mươi bảy triệu đồng) và yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định của pháp luật là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì bà H có cho bà P, anh T vay tiền vào ngày 17/01/2017 số tiền là 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng), lúc vay giữa hai bên có làm biên nhận ngày 17/01/2017, lãi suất thỏa thuận giữa hai bên là 2%/01 tháng, thời hạn trả nợ là 02 tháng sau kể từ ngày vay bà P sẽ trả hết nợ gốc và lãi. Đến ngày 25/02/2018, bà P và chị Đinh Mai T vay tiếp của bà H số tiền là 54.000.000đ (năm mươi bốn triệu đồng) hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/1 tháng, lúc vay thì giữa hai bên có làm biên nhận ngày 25/02/2018, bà P có hứa là tháng đầu trả 3.000.000đ (ba triệu đồng)/1 tháng, tháng thứ hai trả 6.000.000đ/1 tháng và trả đến hết số tiền 54.000.000đ (năm mươi bốn triệu đồng) là ngưng, mục đích bà P, chị Đinh Mai T, anh Đặng Xuân T vay tiền của bà H là lấy vốn làm ăn để phát triển kinh tế gia đình, trong quá trình làm ăn thì bà P đã trả cho bà H được 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng) của phần tiền vay 54.000.000đ (năm mươi bốn triệu đồng), bà P còn nợ lại bà H số tiền gốc là 197.000.000đ (một trăm chín mươi bảy triệu đồng) thì bà P không trả tiếp cho bà H. Bà H có nhiều lần đến nhà bà P đòi nợ nhiều lần nhưng bà P chỉ hứa

chứ không trả nợ cho bà H và được biết mục đích bà P, chị Đinh Mai T, anh Đặng Xuân T vay tiền của bà H là lấy vốn làm ăn để phát triển kinh tế gia đình và mang lại thu nhập chung cho gia đình, theo khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30...."; theo khoản 1 Điều 30: "vợ, chồng có nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Vì vậy số tiền mà bà P nợ bà H số tiền gốc là 197.000.000đ (một trăm chín mươi bảy triệu đồng) được coi là nợ chung của vợ chồng bà Mai Thị P, ông Đinh Quang K.

Nay tại phiên tòa ông Lê Quang Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Mai Thị P, chị Đinh Mai T, anh Đặng Xuân T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Quang K phải trả hết nợ gốc số tiền là 197.000.000đ (Một trăm chín mươi bảy triệu đồng) và ông Đ yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định của pháp luật:

Đối với số tiền gốc 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng), ông Đ yêu cầu tính lãi từ ngày 18/01/2017 cho đến khi trả hết nợ.

Đối với số tiền gốc 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng) ông Đ yêu cầu tính lãi từ ngày 26/02/2018 cho đến khi trả hết nợ.

Lời yêu cầu của ông Đ phù hợp với Điều 463 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay ông Đ cho rằng giữa bà H với bà P, chị T, anh T thỏa thuận lãi suất là 2%/01 tháng. Tuy nhiên anh T thì không đồng ý lời trình bày về thỏa thuận lãi suất 2%/01 tháng của ông Đ, anh T thì cho rằng giữa bà H với bà P, chị T, anh T thỏa thuận lãi suất là 10%/01 ngày. Vì vậy trong vụ án này Hội đồng xét xử xác định là do các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định:

Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định: Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản Điều này tại thời điểm trả nợ.

Như vậy số tiền lãi đối với số tiền nợ gốc 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng) trong vụ kiện này tính từ ngày 18/01/2017 đến ngày xét xử hôm nay là ngày 27/06/2019 là 889 ngày cụ thể như sau: 170.000.000đ x 0,83% x 889 ngày = 41.812.633đ

tính tròn là 41.813.000đ (bốn mươi mốt triệu tám trăm mười ba nghìn đồng) và phần tiền lãi đối với số tiền nợ gốc 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng) trong vụ kiện này tính từ ngày 26/02/2018 đến ngày xét xử hôm nay là ngày 27/06/2019 là 486 ngày cụ thể như sau: 27.000.000đ x 0,83% x 486 ngày = 3.630.420đ tính tròn là 3.630.000đ (ba triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 242.443.000đ (hai trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

[4] Xét yêu cầu của bị đơn anh Đặng Xuân T thì vợ chồng anh T và mẹ là bà Mai Thị P thừa nhận còn nợ bà H số tiền gốc là 197.000.000đ (một trăm chín mươi bảy triệu đồng). Do làm ăn thất bại, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chưa trả nợ cho bà H được. Do đó vợ chồng anh T, mẹ là bà Mai Thị P và cùng với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cha tôi ông Đinh Quang K xin trả nợ dần số tiền gốc 197.000.000đ (một trăm chín mươi bảy triệu đồng) trong 03 năm là từ nay đến ngày 01/04/2022 là trả hết nợ gốc và lãi, mỗi tháng vào ngày 25 hàng tháng chúng tôi trả cho bà H số tiền là 5.472.000đ (năm triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng) và tiền lãi cho đến khi hết nợ là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì lời yêu cầu của anh T thì ông Đ không đồng ý yêu cầu trả nợ dần của anh T. Theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số: 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện Kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: Tòa án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử không có xem xét.

Mặt khác về phần tiền lãi anh T cho rằng có đóng lãi cho bà H mỗi tháng số tiền là 12.500.000đ (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng), đóng lãi cho bà H tổng cộng 15 tháng với tổng số tiền là 187.500.000đ (một trăm tám mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng), lúc vợ chồng anh T đóng lãi cho bà H thì giữa hai bên không có làm biên nhận. Do anh T không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh rằng đã đóng lãi số tiền 187.500.000đ (một trăm tám mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) cho bà H.

Chính vì vậy bác lời khai nại của anh Đặng Xuân T.

[5] **Về án phí DSST:** Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của bà Hoàng Thị H được chấp nhận nên bà H không phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà H số tiền là 4.925.000đ (bốn triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005383 ngày 04/03/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Buộc bà Mai Thị P, chị Đinh Mai T, anh Đặng Xuân T và ông Đinh Quang K phải nộp: 242.443.000đ x 5% = 12.122.150đ tính tròn là 12.122.000đ (mười hai triệu một trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng Điều 463, Điều 468 Bộ Luật Dân Sự năm 2015; khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Mục 1 phần III Thông tư liên tịch số: 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện Kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị H.

3/ Bác lời khai nại của bị đơn anh Đặng Xuân T.

4/ Buộc bà Mai Thị P, chị Đinh Mai T, anh Đặng Xuân T và ông Đinh Quang K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hoàng Thị H số tiền gốc và lãi là 242.443.000đ (hai trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Lê Quang Đ có đơn yêu cầu Thi hành án nếu bà bà Mai Thị P, chị Đinh Mai T, anh Đặng Xuân T và ông Đinh Quang K không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5/ Về án phí DSST:

- Buộc bà Mai Thị Thị P, chị Đinh Mai T, anh Đặng Xuân T và ông Đinh Quang K nộp 12.122.000đ (mười hai triệu một trăm hai mươi hai nghìn đồng).

- Trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Hoàng Thị H số tiền là 4.925.000đ (bốn triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005383 ngày 04/03/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho ông Lê Quang Đ, anh Đặng Xuân T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho chị Đinh Mai T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Hiệp.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Quang Nhật